CÔNG TY CỔ PHẦN FECON -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 109/2023/CV-TCKT.FECON	*Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023*

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:
- **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN FECON
2. Mã chứng khoán: FCN
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tháp CEO, Lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
4. Điện thoại: (84-24) 6269 0481 Fax: (84-24) 6269 0484
5. Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☑ Bất thường ☐ Định kỳ
6. Nội dung của thông tin công bố:
   Nghị quyết số 15/2023/NQ-TTHĐQT.FECON ngày 29/03/2023 của Thường trực Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần FECON về việc ban hành Quy chế công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Công ty Cổ phần FECON sửa đổi, bổ sung – phiên bản V02-2023.
7. Nội dung công bố thông tin được đăng tải trên website theo đường dẫn:
   https://fecon.com.vn/quan-he-co-dong
   Chúng tôi xin được thông báo tới Quý Cơ quan và cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.
   Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Công bố Website công ty;*
- *Lưu TCKT.*

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN

M.S.D.N: 0101[illegible]2099 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN FECON
TP. HÀ NỘI - VIỆT NAM

Nguyễn Thái Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..15...2023/NQ-TTHĐQT.FECON	----------
	Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

V/v: Ban hành Quy chế công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Công ty Cổ phần FECON sửa đổi, bổ sung – phiên bản V02-2023

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

- *Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần FECON;*
- *Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Công ty và Phân cấp thẩm quyền phê duyệt Công ty cổ phần FECON;*
- *Căn cứ Tờ trình số 098/2023/TTr/TLQT.FECON duyệt ngày 29/03/2023 về việc Phê duyệt Quy chế công bố thông tin trên thị trường chứng khoán – phiên bản sửa đổi V02.2023*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị Quyết này là bản "***Quy chế công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Công ty Cổ phần FECON***" đã được sửa đổi, bổ sung và được Thường trực Hội đồng quản trị Công ty cổ phần FECON thông qua.

Điều 2. Quy chế công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Công ty Cổ phần FECON ban hành kèm theo Nghị Quyết này thay thế cho bản Quy chế đã ban hành theo *Nghị Quyết số 04/2016/NQ-HĐQT.FECON ngày 15/02/2016* của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON.

Điều 3. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các phòng/ban, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:	**TM. TT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
- Như điều 3;	**CHỦ TỊCH**
- Lưu HC, TLQT, TCKT.	
	PHẠM VIỆT KHOA

Quy chế công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Version 02/2023

Mã tài liệu: FECON-QCCBTT-02
Ngày 29. tháng 3.. năm 2023

Tiêu đề: Quy chế công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Công ty Cổ phần FECON *(Ban hành kèm theo Nghị quyết số..15./2023/NQ-TTHĐQT.FECON ngày 28 / 3 /2023)*	**Mã số: FECON-QCCBTT-02**
Nội dung tài liệu: Quy định về nội dung, tổ chức, trách nhiệm và xử lý vi phạm của Công ty Cổ phần FECON trong việc thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.	

Lịch sử cập nhật

Phiên bản	Thay đổi trong tài liệu	Ngày	Lập	Soát xét	Phê duyệt
V01	Sửa đổi lần 1	15/02/2016		TGĐ	HĐQT
V02	Sửa đổi lần 2	29./3../2023	B.TCKT	TGĐ	TTHĐQT

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG 5

Điều 1. Giải thích từ ngữ 5

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 6

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin 7

CHƯƠNG II. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 7

MỤC 1. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ 7

Điều 4. Báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, báo cáo tình hình quản trị 7

Điều 5. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 8

MỤC 2. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG 9

Điều 6. Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ 9

Điều 7. Công bố thông tin về họp ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản 11

Điều 8. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.. 11

Điều 9. Công bố thông tin trong trường hợp đặc biệt khác 11

MỤC 3. CÔNG BỐ THÔNG TIN KHÁC 11

Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu 11

Điều 11. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài 12

Điều 12. Công bố thông tin của các đối tượng khác 12

CHƯƠNG III. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH, GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN 14

MỤC 1. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH, GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC 14

Điều 13. Hình thức công bố thông tin 14

Điều 14. Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu của Công ty 14

Điều 15. Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu 15

Điều 16. Công bố thông tin định kỳ 15

Điều 17. Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ 15

Điều 18. Công bố thông tin về trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu 16

MỤC 2. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CHÀO BÁN, ... 17

PHÁT HÀNH VÀ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU 17

Điều 19. Công bố thông tin về phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động..... 17

Điều 20. Công bố thông tin về phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi 17

Điều 21. Công bố thông tin về chào bán cổ phiếu riêng lẻ 17

Điều 22. Công bố thông tin về chào bán cổ phiếu ra công chúng 18

Điều 23. Công bố thông tin về việc Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình 18

MỤC 3. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CHÀO BÁN, ... 19
PHÁT HÀNH, GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN KHÁC 19

Điều 24. Công bố thông tin về chào bán, phát hành, giao dịch chứng khoán khác 19

CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN 19

Điều 25. Người thực hiện công bố thông tin 19

Điều 26. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin 20

Điều 27. Tạm hoãn công bố thông tin 20

CHƯƠNG V. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM TRONG CÔNG BỐ THÔNG TIN 21

Điều 28. Quyền và trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật 21

Điều 29. Quyền và trách nhiệm của người được ủy quyền công bố thông tin 21

Điều 30. Trách nhiệm của phòng, ban của Công ty 21

CHƯƠNG VI. XỬ LÝ VI PHẠM TRONG CÔNG BỐ THÔNG TIN 23

Điều 31. Xử lý vi phạm quy định về CBTT của cơ quan quản lý Nhà nước 23

Điều 32. Xử lý vi phạm quy định về CBTT nội bộ Công ty 23

CHƯƠNG VII. HIỆU LỰC THI HÀNH 23

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung 23

Điều 34. Điều khoản thi hành 23

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trừ khi ngữ cảnh có yêu cầu khác đi, các từ và cụm từ trong Quy chế công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (*"Quy chế"*) này sẽ có ý nghĩa như sau:

1. ***"Công ty"*** hoặc ***"FECON"*** là Công ty Cổ phần FECON
2. ***"Ban Tổng Giám đốc"*** bao gồm Tổng Giám đốc, Tổng giám đốc điều hành, các Phó Tổng Giám đốc (Sau đây được viết tắt là B.TGĐ)
3. ***"Cổ đông lớn"*** là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết Công ty.
4. ***"Người nội bộ của Công ty"*** là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
5. ***"Người có liên quan"*** là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
   a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;
   b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
   c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
   d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
   e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia.
   g) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
6. ***"Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin"*** bao gồm:
   a) Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
   b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
   c) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
   d) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.
7. ***"Đại hội đồng cổ đông", "Hội đồng quản trị", "Thường trực Hội đồng quản trị", "Tổng giám đốc"*** sau đây được viết tắt lần lượt là: ĐHĐCĐ, HĐQT, TTHĐQT, TGĐ.
8. ***"Ủy ban chứng khoán Nhà nước", "Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh", "Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội", "Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam" (hoặc***

"Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam") sau đây được viết tắt là lần lượt là UBCK, HSX, HNX, VSD.

9. ***"Báo cáo", "Báo cáo tài chính", "Báo cáo kết quả kinh doanh", "Giấy chứng nhận đăng ký", "Công bố thông tin"*** sau đây được viết tắt là lần lượt là BC, BCTC, BC KQKD, GCNĐK, CBTT.
10. ***"Ban Tài chính kế toán", "Ban Pháp chế", "Ban Trợ lý quản trị", " Bộ tài chính"*** sau đây được viết tắt lần lượt là B.TCKT, B.PC, B.TLQT, BTC.
11. Các văn bản pháp luật liên quan:
    a. Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019 (Sau đây được viết tắt là Luật Chứng khoán);
    b. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Sau đây được viết tắt là Nghị định 155);
    c. Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (Sau đây được viết tắt là Nghị định 153);
    d. Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (Sau đây được viết tắt là Nghị định 65);
    e. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (Sau đây được viết tắt là Thông tư 96);
    g. Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (Sau đây được viết tắt là Thông tư 122).
12. Các từ ngữ khác trong Quy chế chưa được giải thích tại Điều này sẽ có nghĩa như đã được giải thích trong Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.
13. Trong Quy chế này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.
14. Các tiêu đề (chương, điều của Quy chế) được sử dụng không ảnh hưởng đến việc giải thích ý nghĩa, nội dung chi tiết của các điều khoản trong Quy chế này.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về nội dung, tổ chức, trách nhiệm và xử lý vi phạm của Công ty Cổ phần FECON trong việc thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
2. Quy chế này được áp dụng đối với các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ, các phòng ban và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.
2. Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
3. Khi thực hiện công bố thông tin, Công ty phải đồng thời báo cáo UBCK và HSX về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì Công ty phải gửi UBCK và HSX 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCK và HSX thực hiện công khai thông tin.
4. Việc công bố thông tin của Công ty phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 2525 Quy chế này.
5. Công ty có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Quy chế này như sau:
   a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;
   b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.
6. Ngôn ngữ thông tin công bố của Công ty trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt.

CHƯƠNG II. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG QUY MÔ LỚN/TỔ CHỨC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

MỤC 1. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Điều 4. Báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, báo cáo tình hình quản trị

1. Báo cáo tài chính

TT	CBTT định kỳ	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT
1	Quý	BCTC quý riêng và hợp nhất	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý

TT	CBTT định kỳ	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT
2	Bán niên	BCTC được soát xét riêng và hợp nhất	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính
3	Năm	BCTC kiểm toán năm riêng và hợp nhất	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính

Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại Khoản 1 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau trên cơ sở báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất:

a) Ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét không phải là chấp nhận toàn phần;
b) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
d) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

2. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 96 và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

3. Báo cáo tình hình quản trị

Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96 trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm đương lịch.

Điều 5. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Công ty thực hiện CBTT trên trang điện tử của Công ty và của UBCK, HSX về việc họp ĐHĐCĐ. Nội dung công bố thông tin:
   a) Nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên, bao gồm:
      - Thông báo mời họp;
      - Chương trình họp;
      - Phiếu biểu quyết;

- Tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

b) Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

c) Biên bản họp, nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố theo thời hạn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 của Quy chế này.

2. Thời hạn công bố thông tin: Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ (nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn dài hơn).

MỤC 2. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Điều 6. Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ

1. Công ty phải CBTT bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

e) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

g) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

h) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

i) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

k) Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty;

l) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

- Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

- Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

- Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

m) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty). Đồng thời, Công ty gửi cho UBCK, HSX Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96;

n) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp Công ty là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;

o) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;

p) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

q) Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

r) Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

s) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty;

t) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

u) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

v) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp Công ty là công ty mẹ);

x) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 7. Công bố thông tin về họp ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Việc CBTT về họp ĐHĐCĐ bất thường thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy chế này;

2. Trường hợp lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

Điều 8. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

1. Công ty CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;

2. Công ty CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

Điều 9. Công bố thông tin trong trường hợp đặc biệt khác

1. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải CBTT về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy chế này.

2. Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

MỤC 3. CÔNG BỐ THÔNG TIN KHÁC

Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải CBTT trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCK, HSX khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
   a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
   b) Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCK, HSX yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 11. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty phải CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, HSX, VSD và hệ thống công bố thông tin của UBCK theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 12. Công bố thông tin của các đối tượng khác

1. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty:
   a) Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty phải CBTT và báo cáo về giao dịch cho Công ty, UBCK và HSX theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 96 trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.
   b) Cổ đông lớn của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải CBTT và báo cáo cho Công ty, UBCK và HSX trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư 96.
   Ví dụ: Nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty (mã chứng khoán : FCN). Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu FCN từ 5,2% lên 5,7%, Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu FCN từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu FCN của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo Công ty, UBCK và HSX về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.
   c) Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại điểm a và b khoản này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Thông tư 96.
   d) Quy định tại khoản điểm a, b, c khoản này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty thực hiện CBTT theo mẫu quy định tại Phụ lục IX và Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư 96 căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.
   e) Quy định tại khoản điểm a, b, c, d khoản này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Công ty phát hành thêm cổ phiếu.

g) Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng được quy định tại khoản này.

2. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

a) Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ phải CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCK, HSX, Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại HSX (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

- Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải CBTT về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 96;

- Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do HSX đã CBTT và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ HSX;

- Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT theo quy định tại khoản này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại gạch đầu dòng thứ hai điểm a khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

- Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải CBTT về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư 96;

- Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại khoản 1 Điều này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

b) Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại điểm a khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại khoản 1 Điều này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, CBTT theo quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của người nội bộ, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và CBTT theo quy định tại điểm a khoản này.

d) Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

e) Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại khoản này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG III. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH, GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

MỤC 1. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH, GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Điều 13. Hình thức công bố thông tin

1. Công ty CBTT cho nhà đầu tư mua trái phiếu theo các hình thức sau:
   a) Văn bản giấy;
   b) Văn bản điện tử;
   c) Đăng tải trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp phát hành;
   d) Đăng tải trên Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp tại HNX theo quy định tại Điều 32 Nghị định 153.
2. Công ty gửi nội dung CBTT cho HNX theo hình thức văn bản điện tử qua Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp của HNX.

Điều 14. Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu của Công ty

1. Việc CBTT trước khi chào bán trái phiếu không được chứa đựng nội dung có tính chất quảng cáo, mời chào và không thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, trừ trường hợp CBTT theo quy định của pháp luật về CBTT trên thị trường chứng khoán.
2. Chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày phát hành trái phiếu, Công ty thực hiện CBTT trước đợt chào bán cho các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin cho HNX:
   a) Nội dung CBTT trước đợt chào bán theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 122.
   b) Riêng đối với chào bán trái phiếu xanh, ngoài nội dung công bố thông tin theo quy định tại điểm a khoản này, Công ty phải công bố thông tin về quy trình hạch toán, quản lý, giải ngân vốn từ chào bán trái phiếu xanh theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định 153.
   c) Hình thức CBTT: Thực hiện theo quy định tại điểm a,b khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Quy chế này.
3. Trường hợp Công ty chào bán trái phiếu thành nhiều đợt:
   a) Đối với đợt chào bán đầu tiên, việc CBTT thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Đối với các đợt chào bán tiếp theo, ngoài việc CBTT theo quy định tại điểm a khoản này, trong thời hạn 01 ngày làm việc trước mỗi đợt chào bán trái phiếu, Công ty CBTT bổ sung cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu, đồng thời gửi HNX. Nội dung CBTT bổ sung theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều 12 Nghị định 153.

Điều 15. Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu

1. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu, Công ty CBTT về kết quả của đợt chào bán cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung CBTT đến HNX. Nội dung CBTT về kết quả chào bán trái phiếu tại thị trường trong nước theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 122.
2. Trường hợp Công ty chào bán không thành công hoặc hủy đợt chào bán trái phiếu, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc phân phối trái phiếu, Công ty CBTT và gửi nội dung công bố thông tin đến HNX.
3. Hình thức công bố thông tin: Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

Điều 16. Công bố thông tin định kỳ

1. Định kỳ 06 tháng và hàng năm theo năm tài chính cho đến khi trái phiếu đáo hạn, Công ty gửi nội dung CBTT định kỳ cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và HNX:
   a) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, doanh nghiệp thực CBTT định kỳ 06 tháng.
   b) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện CBTT định kỳ hàng năm.
2. Nội dung CBTT định kỳ theo mẫu tại Phụ lục III Thông tư 122 và bao gồm các tài liệu sau:
   a) Báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm của Công ty đã được kiểm toán hoặc đã được soát xét; báo cáo tài chính năm chưa kiểm toán và báo cáo tài chính 06 tháng chưa kiểm toán, chưa được soát xét phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT xác nhận số liệu. Báo cáo tài chính công bố thông tin gồm báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng của Công ty.
   b) Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu.
   c) Báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện.
   d) Báo cáo tình hình thực hiện các cam kết của Công ty đối với người sở hữu trái phiếu.
   e) Đối với trái phiếu xanh, ngoài các nội dung quy định tại điểm a, điểm b và điểm d khoản này, hàng năm Công ty phải lập báo cáo về việc hạch toán, quản lý sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu có ý kiến soát xét của tổ chức kiểm toán; báo cáo tiến độ giải ngân, tiến độ thực hiện dự án và báo cáo đánh giá tác động môi trường.
3. Hình thức công bố thông tin: Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

Điều 17. Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ

Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây, Công ty phải CBTT bất thường cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin cho HNX:

1. Bị tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh, bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy

phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật; khi có Quyết định về việc tổ chức lại hoặc chuyển đổi doanh nghiệp;

2. Có sự thay đổi về nội dung thông tin so với thông tin đã công bố khi chào bán trái phiếu làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ lãi, gốc trái phiếu.
3. Thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã phát hành, thay đổi đại diện người sở hữu trái phiếu.
4. Phải thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn bắt buộc.
5. Khi nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc bị xử lý vi phạm pháp luật theo quy định

Điều 18. Công bố thông tin về trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ngày thực hiện quyền của chứng quyền, Công ty gửi nội dung CBTT cho HNX. Nội dung công bố thông tin theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 122.
2. Đối với mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu:
   a) Trong thời hạn 10 ngày trước ngày mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, Công ty phải CBTT cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu về việc mua lại trước hạn, hoán đổi trái phiếu bao gồm: phương thức tổ chức mua lại, hoán đổi; điều kiện, điều khoản của việc mua lại, hoán đổi; khối lượng trái phiếu mua lại, hoán đổi theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
   b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn tất việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, Công ty có trách nhiệm báo cáo cơ quan phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu đồng thời gửi nội dung công bố thông tin cho HNX.
   c) Nội dung công bố thông tin theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 122.
3. Hình thức công bố thông tin:
   a) Đối với công bố thông tin trước đợt mua lại trái phiếu trước hạn và trước đợt hoán đổi trái phiếu: hình thức công bố thông tin thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy chế này.
   b) Đối với công bố thông tin về việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền, kết quả mua lại trái phiếu trước hạn và kết quả hoán đổi trái phiếu: hình thức công bố thông tin thực hiện theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

MỤC 2. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH VÀ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU

Điều 19. Công bố thông tin về phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động

1. Công ty CBTT bất thường trong thời hạn 24 giờ các nội dung liên quan đến việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo quy định tại Điều 6 Quy chế này; đồng thời, cần đảm bảo thời hạn CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này (nếu có).
2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCK thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành, Công ty phải công bố Bản thông báo phát hành trên trang thông tin điện tử của Công ty và HSX. Việc công bố thông tin trên phải được thực hiện ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày kết thúc đợt phát hành.
3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, Công ty phải gửi Báo cáo kết quả đợt phát hành cho UBCK và CBTT trên trang thông tin điện tử của Công ty và HSX về kết quả đợt phát hành. Ngày kết thúc đợt phát hành không được quá 45 ngày kể từ ngày UBCK thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo.

   Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, tài liệu báo cáo kết quả đợt phát hành gửi UBCK kèm theo:

   a) Danh sách người lao động tham gia chương trình trong đó nêu cụ thể về số lượng cổ phiếu của từng người lao động đã nộp tiền mua hoặc được phân phối (đối với trường hợp phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động);
   b) Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt phát hành, trừ trường hợp phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động.

Điều 20. Công bố thông tin về phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi

1. Công ty CBTT bất thường trong thời hạn 24 giờ các nội dung liên quan đến việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.
2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi, Công ty phải gửi Báo cáo kết quả đợt phát hành cho UBCK; đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và HSX về kết quả đợt phát hành. Ngoài ra, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, Công ty gửi nội dung CBTT cho HNX theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Quy chế này.

Điều 21. Công bố thông tin về chào bán cổ phiếu riêng lẻ

1. Công ty CBTT bất thường trong thời hạn 24 giờ các nội dung liên quan đến việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.
2. Công ty phải hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ trong thời gian 90 ngày kể từ ngày UBCK có văn bản chấp thuận. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Công

ty phải gửi Báo cáo kết quả đợt chào bán kèm theo xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán cho UBCK và CBTT trên trang thông tin điện tử của Công ty, HSX về kết quả đợt chào bán.

Điều 22. Công bố thông tin về chào bán cổ phiếu ra công chúng

1. Công ty CBTT bất thường trong thời hạn 24 giờ các nội dung liên quan đến việc chào bán cổ phiếu ra công chúng theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.
2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực, Công ty, cổ đông đăng ký chào bán phải công bố Bản thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Luật Chứng khoán và CBTT trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổ đông đăng ký chào bán là tổ chức (nếu có), HSX. Bản cáo bạch chính thức phải được đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổ đông đăng ký chào bán là tổ chức (nếu có) và HSX.
3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Công ty hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành, cổ đông đăng ký chào bán phải gửi Báo cáo kết quả đợt chào bán kèm theo xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán cho UBCK theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật Chứng khoán và CBTT trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổ đông đăng ký chào bán là tổ chức (nếu có), HSX về kết quả đợt chào bán.

Điều 23. Công bố thông tin về việc Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình

1. Công ty CBTT bất thường trong thời hạn 24 giờ liên quan đến việc mua lại cổ phiếu của chính mình theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.
2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCK thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo mua lại cổ phiếu, Công ty phải CBTT trên trang thông tin điện tử của Công ty, phương tiện công bố thông tin của UBCK, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Chứng khoán. Công ty được thực hiện mua lại cổ phiếu sau 07 ngày làm việc kể từ ngày CBTT.
3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại cổ phiếu, Công ty phải gửi báo cáo kết quả giao dịch đến UBCK và CBTT ra công chúng. Trong trường hợp Công ty không thực hiện hết số lượng cổ phiếu dự kiến giao dịch thì phải báo cáo và công bố lý do không hoàn thành. Công ty phải kết thúc việc mua lại cổ phiếu theo thời gian nêu trong bản công bố thông tin nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện giao dịch.
4. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

MỤC 3. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH, GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN KHÁC

Điều 24. Công bố thông tin về chào bán, phát hành, giao dịch chứng khoán khác

Trường hợp Công ty chào bán, phát hành, giao dịch chứng khoán khác với các chứng khoán nêu tại Mục 1, Mục 2 Chương này thì thực hiện CBTT theo quy định của pháp luật về chào bán, phát hành, giao dịch chứng khoán đó.

CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 25. Người thực hiện công bố thông tin

1. Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty:
   a) Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của B.TGĐ có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của B.TGĐ phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin;
   b) Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho UBCK và HSX, HNX trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96.
2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ CBTT hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức (công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đại chúng, thành viên lưu ký, VSD hoặc tổ chức khác) hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ CBTT như sau:
   a) Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ CBTT, trong lần CBTT đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho UBCK và HSX Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96 và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên;
   b) Trường hợp ủy quyền CBTT, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền CBTT để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật;
   c) Cá nhân phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người được ủy quyền CBTT cho UBCK và HSX trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc ủy quyền CBTT có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người được ủy quyền CBTT bao gồm: Giấy ủy quyền CBTT theo mẫu quy định

tại Phụ lục II, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96 (trường hợp người được ủy quyền CBTT là cá nhân).

Điều 26. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin

1. Các phương tiện báo cáo, CBTT bao gồm:
   a) Website của Công ty;
   b) Hệ thống công bố thông tin của UBCK;
   c) Website của HSX và HNX, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của HSX và HNX;
   d) Trang thông tin điện tử của VSD;
   e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...).
2. Trang thông tin điện tử của Công ty phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty (nếu có), Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Quy chế này. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó. Mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ trang thông tin điện tử của Công ty phải báo cáo với UBCK, Sở giao dịch chứng khoán (HSX, HNX) trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.
3. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
4. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCK, phương tiện công bố thông tin của HSX, HNX thực hiện theo hướng dẫn của UBCK, HSX, HNX.
5. Công ty không phải gửi bản giấy để báo cáo UBCK, HSX trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định tại khoản 1 Điều này và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.
6. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 27. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Công ty phải báo cáo UBCK, HSX, HNX về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG V. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM TRONG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 28. Quyền và trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật

1. Quyền của người đại diện theo pháp luật:
   a) Được quyền ủy quyền cho cá nhân khác thực hiện CBTT theo quy định tại Điều 25 Quy chế này;
2. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật:
   a) Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố;
   b) Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện CBTT theo quy định của Quy chế này;
   c) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.

Điều 29. Quyền và trách nhiệm của người được ủy quyền công bố thông tin

1. Quyền của người được ủy quyền công bố thông tin
   a) Thay mặt người đại diện theo pháp luật của Công ty yêu cầu các bộ phận/cá nhân có liên quan đến việc CBTT cung cấp đầy đủ, đúng thời hạn toàn bộ các thông tin, tài liệu, báo cáo cần CBTT;
   b) Đề nghị các hình thức xử lý kỷ luật đối với các hành vi vi phạm của các phòng ban, cá nhân liên quan đến CBTT theo quy định tại Chương VI của Quy chế này, Nội quy lao động và các quy định nội bộ khác của Công ty;
   c) Đề xuất nâng cấp, cải tiến phương thức CBTT nhằm thực hiện tốt nhất nghĩa vụ CBTT theo quy định của pháp luật về chứng khoán và quy định nội bộ của Công ty;
   d) Góp ý để hoàn thiện các quy định pháp luật và quy định nội bộ về CBTT ;
   e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.
2. Trách nhiệm của người được ủy quyền công bố thông tin
   a) Chịu trách nhiệm trước người đại diện theo pháp luật về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về mọi thông tin của Công ty được công bố theo quy định;
   b) Tiếp nhận, tổng hợp, xem xét và đề nghị điều chỉnh (nếu có) các thông tin phải công bố theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty;
   c) Kiểm tra, giám sát, đốc thúc các phòng, ban nghiêm túc thực hiện đúng và đầy đủ các quy định liên quan đến việc chuẩn bị, cung cấp thông tin phải công bố;
   d) CBTT đầy đủ và đúng thời hạn trên các phương tiện CBTT theo quy định của pháp luật chứng khoán, Quy chế này và các quy định nội bộ của Công ty;
   e) Theo dõi những sự kiện có nội dung liên quan đến việc CBTT của Công ty;
   g) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
   h) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

Điều 30. Trách nhiệm của phòng, ban của Công ty, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ, nhà đầu tư

1. Công bố thông tin định kỳ

   Các phòng, ban phải có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu và chuyển tới Người thực hiện CBTT trước ít nhất 01 ngày theo quy định về thời hạn CBTT tại Quy chế này, cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Bộ phận thực hiện	Quy định tại
1	Báo cáo tài chính	Ban Tài chính kế toán	Điều 4
2	Báo cáo thường niên	Ban Tài chính kế toán	Điều 4
3	Báo cáo tình hình quản trị	Ban Tài chính kế toán	Điều 4
4	Tài liệu họp ĐHĐCĐ	Ban Trợ lý quản trị	Điều 5

2. Công bố thông tin bất thường

Các phòng, ban phải có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu và chuyển tới Người thực hiện CBTT trước thời hạn theo quy định về thời hạn CBTT tại Quy chế này, cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Bộ phận thực hiện	Quy định tại
I	CBTT sự kiện bất thường (trước 12 giờ)		Điều 6
1	Sự kiện về lĩnh vực tài chính kế toán	Ban Tài chính kế toán	
2	Bổ sung, điều chỉnh Giấy chứng nhận ĐKDN và Điều lệ Công ty	Ban Pháp chế	
3	Sự kiện về tổ chức hoạt động và các sự kiện còn lại	Ban Trợ lý quản trị	
II	Họp ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản (trước 01 ngày)	Ban Trợ lý quản trị	Điều 7
III	Nghị quyết Hội đồng quản trị phê duyệt ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (trước 01 ngày)	Ban Trợ lý quản trị	Điều 8
IV	CBTT trong trường hợp đặc biệt khác (trước 01 ngày)	Ban Tài chính kế toán	Điều 9

3. Công bố thông tin khác

Các phòng, ban có liên quan có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu và chuyển tới người thực hiện CBTT trước thời hạn theo quy định về thời hạn CBTT của Quy chế này, cụ thể:

- Trước 12 giờ đối với CBTT theo yêu cầu quy định tại Điều 10 Quy chế này;
- Trước 01 ngày đối với CBTT về các hoạt động khác theo quy định tại **Error! Reference source not found.** và Chương III Quy chế này.

4. Trách nhiệm của trưởng phòng, ban

Trưởng các phòng, ban phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin do phòng, ban mình cung cấp.

5. Trách nhiệm của người nội bộ và người có liên quan

a) Người nội bộ được bổ nhiệm mới phải gửi cho Công ty Bản cung cấp thông tin (bao gồm cả kê khai thông tin của người có liên quan) theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành

kèm theo Thông tư 96 để Công ty thực hiện CBTT bất thường trong thời hạn 24 giờ đồng thời với quyết định bổ nhiệm theo quy định tại điểm m khoản 1 Điều 6 Quy chế này.

b) Người nội bộ có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên.

c) Trường hợp người nội bộ và người có liên quan đồng thời là nhà đầu tư thì cần nghiêm túc thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc CBTT theo quy định tại khoản 2 Điều 12, khoản 2 Điều 25 và khoản 6 Điều này Quy chế này.

6. Trách nhiệm của nhà đầu tư (trong trường hợp ủy quyền CBTT cho Công ty)

Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT phải có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Công ty, chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin công bố trong trường hợp ủy quyền CBTT cho Công ty.

CHƯƠNG VI. XỬ LÝ VI PHẠM TRONG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 31. Xử lý vi phạm quy định về CBTT của cơ quan quản lý Nhà nước

Tùy theo mức độ vi phạm quy định về CBTT, Công ty và các tổ chức, cá nhân liên quan sẽ chịu các hình thức xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP (và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế - nếu có) và/hoặc các hình thức xử phạt khác theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Xử lý vi phạm quy định về CBTT nội bộ Công ty

Các phòng, ban, cá nhân thiếu trách nhiệm dẫn đến việc Công ty vi phạm quy định của pháp luật về CBTT, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật và chịu trách nhiệm vật chất theo Nội quy lao động, các quy định nội bộ khác của Công ty và quy định tại Điều 31 Quy chế này.

CHƯƠNG VII. HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung

1. Trong quá trình thực hiện, đối tượng áp dụng có thể đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định của Quy chế này cho phù hợp với quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Đối tượng áp dụng đề xuất việc sửa đổi, bổ sung thay thế các quy định của Quy chế này để TGĐ trình TTHĐQT xem xét phê duyệt. Các sửa đổi, bổ sung của Quy chế này chỉ có hiệu lực khi được TTHĐQT thông qua.

Điều 34. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm 7 chương, 34 điều được TTHĐQT thông qua tại Nghị quyết số ...15../2023/NQ-TTHĐQT.FECON ngày 29. tháng .3.. năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Quy chế công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐQT.FECON ngày 15/02/2016 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực.

TM. THƯỜNG TRỰC
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phạm Việt Khoa